

Số: 203/ĐHBK-NMCT

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2026

DANH MỤC TÀI LIỆU VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	THỬ NGHIỆM XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605: 2023
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định độ nở sun phát của xi măng	TCVN 6068:2020
5	Hàm lượng Anhydric Sunfuric, Hàm lượng mất khi nung	TCVN 141 : 2023
6	Độ nở Autoclave	TCVN 8877 : 2011
II	THỬ NGHIỆM TRO BAY	
7	Xác định độ mịn	TCVN 8827:2011
8	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 8262:2009
9	Xác định độ ẩm	TCVN 8262:2009
10	Hàm lượng tổng hàm lượng các ôxit $\text{SiO}_2 + \text{Al}_2\text{O}_3 + \text{Fe}_2\text{O}_3$	TCVN 8262:2009
11	Hàm lượng canxi ôxit tự do CaO_{td}	TCVN 141:2008
12	Xác định hàm lượng SO_3	TCVN 141:2008
III	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
13	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
14	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
15	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
16	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
17	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
18	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
19	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
20	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
21	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
22	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
23	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
24	Xác định hàm lượng clorua.	TCVN 7572-15:2006
25	Xác định hàm lượng sulfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006
26	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
27	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
28	Xác định hàm lượng sunphat, sunphit	TCVN 7572-16:2006
29	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419; AASHTO T176

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
IV	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG	
30	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
31	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:2022
32	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022
33	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
34	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	TCVN 3111:2022
35	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
36	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
37	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
38	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
39	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116:2022
40	Xác định độ co bê tông	TCVN 3117:2022
41	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
42	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
43	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022
44	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
45	Xác định cường độ bê tông bằng khoan từ cấu kiện	TCVN 12252:2020
46	Xác định thời gian đông kết của bê tông thường	TCVN 9338:2012
47	Phương pháp xác định hàm lượng sunfat	TCVN 9336:2012
48	Xác định độ thấm Ion Clo bằng phương pháp điện lượng	TCVN 9337:2012
V	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
49	Xác định kích thước hạt lớn nhất của cốt liệu	TCVN 3121-1: 2022
50	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022
51	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 2022
52	Xác định khả năng giữ độ lưu động	TCVN 3121-8: 2022
53	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của Vữa tươi	TCVN 3121-9: 2022
54	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10: 2022
55	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11: 2022
56	Xác định cường độ bám dính của Vữa đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022
57	Xác định hàm lượng Ion chloride hoà tan trong nước	TCVN 3121-17:2022
VI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH, NGÓI	
58	<i>Gạch xây:</i> Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; cường độ bền uốn; khối lượng thể tích; độ hút nước; độ rỗng; vết tróc do vôi; sự thoát muối	TCVN 6355 1÷8:2009
59	<i>Gạch xi măng lát nền:</i> Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định độ mài mòn; độ hút nước; lực uốn gãy toàn viên; độ cứng lớp mặt; độ chịu lực va đập xung kích	TCVN 6065:1995
60	<i>Gạch granito:</i> Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ chịu mài mòn lớp mặt; độ cứng lớp mặt; lực va đập xung kích	TCVN 6074:1995
61	<i>Đá ốp lát tự nhiên:</i> Xác định hình dáng, kích thước, khuyết tật; độ vuông góc; độ phẳng cạnh; Xác định độ hút nước; độ mài mòn; khối lượng thể tích; độ bền uốn; độ cứng vạch bề mặt	TCVN 4732:2016

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
62	<i>Gạch terazo</i> : Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước bề mặt; độ chịu mài mòn; độ bền uốn	TCVN 7744:2013
63	<i>Gạch bê tông</i> : Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; độ hút nước; độ thấm nước; độ rỗng	TCVN 6477:2016
64	<i>Gạch bê tông tự chèn</i> : Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999
65	<i>Ngói lợp</i> : Xác định tải trọng uốn gãy; độ hút nước; thời gian không xuyên nước; khối lượng 1m ² ngói bảo hòa nước	TCVN 4313:1995
VII	THỬ NGHIỆM GẠCH GỖM ỐP LÁT	
66	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
67	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016
68	Xác định độ bền uốn gãy và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016
69	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016
70	Xác định độ mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7: 2016
71	Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2016
72	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2016
73	Xác định độ bền hóa học	TCVN 6415-13:2016
74	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016
VIII	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU CHỊU LỬA	
75	Xác định độ bền nén ở nhiệt độ thường	TCVN 6530-1:2016
76	Xác định khối lượng riêng	TCVN 6530-2:2016
77	Xác định khối lượng thể tích, độ hút nước, độ xốp biểu kiến và độ xốp thực của vật liệu chịu lửa định hình sét đặc	TCVN 6530-3:2016
IX	THỬ NGHIỆM CƠ ĐẤT TRONG PHÒNG	
78	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195: 2012
79	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196: 2012
80	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197: 2012
81	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198: 2014
82	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199: 1995
83	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200: 2012
84	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201: 2012
85	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
86	Vật liệu nền, móng mặt đường - Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
87	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166; BS 1377-99
88	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU, CU, CD, CV)	TCVN 8868:2011
89	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
90	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
91	Xác định đặc trưng cơ ngót của đất	TCVN 8720:2012
92	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012
93	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012
94	Phương pháp xác định sức chống cắt của đất hạt mịn mềm yếu bằng thí nghiệm cắt cánh ở trong phòng	TCVN 8725:2012
95	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
96	Xác định hàm lượng muối của đất	TCVN 8727:2012
X	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM	
97	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D5
98	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D113
99	Xác định điểm hoá mềm	TCVN 7497:2005; ASTM D36
100	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005; ASTM D92
101	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; ASTM D6
102	Xác định độ hoà tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2005; ASTM D2042
103	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005; ASTM D70
104	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005; ASTM D2170
105	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
106	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504: 2005
XI	THỬ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG NHỰA	
107	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2021
108	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2021
109	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2021
110	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2021
111	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2021
112	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2021
113	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2021
XII	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
114	Xác định thành phần hạt; Độ ẩm; Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
115	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	TCVN 8735:2012
116	Chỉ số dẻo của bột khoáng nghiền từ đá các bô nát	TCVN 4197:1995
XIII	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
117	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1 : 2011
118	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2 : 2011
119	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3 : 2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
120	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4 : 2011
121	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5 : 2011
122	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6 : 2011
123	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7 : 2011
124	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8 : 2011
125	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9 : 2011
126	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
127	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
128	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
129	Hằn lún vệt hằn bánh xe	TCVN 13899:2023
130	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng phương pháp con lăn anh	TCVN 10271:2014
XIV	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU CẤP PHỐI, VẬT LIỆU GIA CỐ VÔ CƠ LÀM KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG; TRỤ ĐẤT XI MĂNG	
131	Thí nghiệm thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
132	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
133	Vật liệu nền, móng mặt đường - Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
134	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố vô cơ trong phòng thí nghiệm.	TCVN 9843:2013
135	Thí nghiệm xác định cường độ nén mẫu trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012
XV	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU SƠN	
136	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015
137	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
138	Xác định độ bám dính của màng sơn	TCVN 2097:2015
139	Xác định độ cứng của màng bằng phương pháp thử dao động tắt dần của con lắc	TCVN 2098:2007
140	Xác định độ bền uốn của màng sơn	TCVN 2099:2013
141	Xác định độ bền va đập của màng sơn	TCVN 2100:2013*
142	Thử độ bám dính màng sơn bằng phương pháp bong bật Pull-Off	ASTM D4541
XVI	KIỂM TRA VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
143	Thử kéo kim loại	TCVN 197-1:2014
144	Thử uốn kim loại	TCVN 198: 2008
145	Xác định độ cứng kim loại – Phương pháp Britnel; Rocven; Vicker	TCVN 256: 2006; TCVN 257: 2007; TCVN 258:2007
146	Thử kéo bu lông	ASTM A370; ISO 898
147	Đo độ nhám bề mặt	TCVN 2511:2007
148	Thử nghiệm hoá tính thép, gang, que hàn	ASTM E415
149	Kiểm tra khuyết tật bằng thăm thấu chất lỏng (PT)	ASTM E165

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
150	Kiểm tra khuyết tật bề mặt bằng bột từ (MT)	ASTM E709
151	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp siêu âm (UT)	TCVN 6735:2000
152	Đo chiều dày bằng siêu âm	ASTM E797
153	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010
154	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử va đập	TCVN 5402:2010
155	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010
156	Xác định độ dai va đập kiểu con lắc charpy	TCVN 312:2007
157	Kiểm tra chất lượng hàn ống – Phương pháp nén bẹp	TCVN 1830:2008
158	Thử uốn và uốn lại thép cốt bê tông	TCVN 6287:1997
159	Thí nghiệm cơ tính mối nối ống ren (coupler)	TCVN 8163:2009
160	Xác định tải trọng phá hỏng của cáp thép thông dụng	TCVN 6368:1998
161	Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012
162	Kiểm tra chiều dày lớp mạ kẽm	TCVN 5408:2007
163	Thí nghiệm kiểm tra hệ thống cáp ứng lực trước (Cường độ cáp neo; Độ giãn dài, độ tụt neo; Mô đun đàn hồi)	ASTM A370
164	Khả năng bám dính giữa thép và bê tông	TCVN 9490:2012
165	Thử nghiệm cơ tính hệ thống neo dự ứng lực	BS-EN 13391:2004
166	Xác định độ bền góc hàn thanh profile cửa nhựa u-PVC có lõi thép gia cường	TVCN 7452-2:2004
167	Vật liệu kim loại - Ống – Thử thủy lực	TCVN 1832:2008
168	Thử nghiệm hóa tính gang	ASTM E1999
169	Thử nghiệm hóa tính nhôm và hợp kim nhôm	ASTM E1251
170	Thử nghiệm hóa tính thép không gỉ	ASTM E1086
171	Thử nghiệm độ cứng bằng phương pháp bật nảy	ASTM A956
XVII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ DUNG DỊCH BENTONITE	
172	Độ ổn định Stability	TCVN 11893: 2017
173	Độ nhớt (500/700cc) Viscosity (500/700cc)	TCVN 11893: 2017
174	Độ pH (25 ⁰ C) pH value (25 ⁰ C)	ASTM D6910-04
175	Tỷ trọng Density	TCVN 11893: 2017
176	Cường độ cắt Shear strength	TCVN 11893: 2017
177	Hàm lượng cát (phần trên sàng 0.1mm) Sand content (the upper part of 0.1mm sieve)	TCVN 11893: 2017
178	Độ dày của áo sét Cake thickness of filter	TCVN 11893: 2017, ASTM D4381-06
179	Tỷ lệ keo YP/PV ratio	TCVN 11893: 2017

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
180	Lượng tách nước Filtrate loss	TCVN 11893:2017
XVIII	THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT	
181	Thử nghiệm các tính chất cơ lý của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-1÷6:2011 (06 phần)
182	Xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:2010
XIX	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG, THỬ KẾT CẤU	
183	Cọc – Phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
184	Cọc khoan nhồi – Xác định tính đồng nhất của bê tông – Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012
185	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016
186	Cọc – kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012
187	Phương pháp thí nghiệm O-CELL (phương pháp tự cân bằng lực).	ASTM D1143, D8169/D8169M
188	Thí nghiệm khoan lõi kiểm tra mùn và bê tông mũi cọc khoan nhồi	TCVN 9395:2012 TCXDVN 239:2006
189	Thí nghiệm kéo (nhỏ) cọc	ASTM D3689
190	Thí nghiệm thử tải trọng ngang (nén ngang) cọc	ASTM D3966
191	Thí nghiệm kiểm tra độ thẳng đứng của cọc	TCVN 9395:2012
192	Thí nghiệm đo biến dạng bê tông thân cọc	ASTM D1143
193	Thí nghiệm trụ (cọc) đất xi măng: khoan lấy mẫu, nén ngang trong trụ, xuyên cánh, nén tĩnh trụ đơn, thí nghiệm bàn nén, thí nghiệm chất tải	TCVN 9403:2012
194	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
195	Thí nghiệm khả năng chịu tải nền đất	ASTM D1194
196	Đất xây dựng – Phương pháp thí nghiệm hiện trường – Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
197	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPTu)	TCVN 9352:2012
198	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	22TCN 355:2006
199	Thí nghiệm cọc ván BTCT dự ứng lực	JIS A5373
200	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
201	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn - phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
202	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
203	Thử tải dàn giáo	TCVN 6052:1995

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
204	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012; TCVN 13536:2022
205	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
206	Thí nghiệm xác định cường độ, độ đồng nhất và khuyết tật của bê tông bằng phương pháp siêu âm	TCVN 13536:2022
207	Thử nghiệm cầu (đo biến dạng, chuyển vị, dao động), kiểm định cầu đường bộ, đánh giá tải trọng khai thác cầu đường bộ	22 TCN 243:1998, TCVN 14478:2025, TCVN 12882: 2020
208	Đo rung (chấn) động công trình	TCVN 7378:2004
209	Xác định khả năng chịu tải của dốt cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012
210	Xác định khả năng chịu tải của ống cống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
211	Xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	22TCN 346:2006
212	Mặt đường ô tô – Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0m	TCVN 8864:2011
213	Phương pháp thử nghiệm xác định mô đun đàn hồi “E” nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
214	Xác định mô đun đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
215	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
216	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020
217	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
218	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp vật liệu rời làm móng đường – Phương pháp chùy xuyên động (DCP)	TCVN 10272:2014
219	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
220	Xác định độ bằng phẳng mặt đường theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
221	Đo độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
222	Đo cường độ nền mặt đường bằng thiết bị LFWD	ASTM E2583
223	Xác định độ thấm nước của đất đá bằng phương pháp hút nước thí nghiệm từ các lỗ khoan	TCVN 9148:2012
224	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp ép nước	TCVN 9149:2012
XX	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC XÂY DỰNG	
225	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
226	Xác định hàm lượng clorua Cl ⁻	TCVN 6194:1996
227	Xác định hàm lượng SO ₄ ²⁻	TCVN 6200:1996
228	Xác định lượng muối hòa tan; Lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
229	Xác định độ axit và độ kiềm	ASTM D1067
230	Phân tích lý học nước	TCVN 5502:2003
XXI	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA CẤP NƯỚC VÀ PHỤ TÙNG	
231	Ống u-PVC, PE – Xác định độ bền kéo	TCVN 7434-1:2004
232	Ống u-PVC, PE – Xác định sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007
233	Ống u-PVC – Xác định độ bền va đập bên ngoài, phương pháp va đập vòng tuần hoàn	BS EN 744:1996
234	Ống u-PVC, PE – Xác định độ bền áp suất bên trong	TCVN 6149-1:2007
235	Phụ tùng u-PVC – Xác định độ bền nén	BS EN 802:1995
236	Ống u-PVC, PE – Xác định kích thước	TCVN 6145:2007
237	Ống u-PVC, PE – Độ Oval	TCVN 7305:2008
XXII	THỬ NGHIỆM PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG	
238	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
239	Xác định tỷ trọng; Xác định hàm lượng chất khô	TCVN 8826:2011
XXIII	THỬ NGHIỆM THIẾT BỊ ÁP LỰC VÀ NÂNG CHUYỂN	
240	Kiểm tra khả năng chịu áp lực đường ống dẫn hơi nước và nước nóng	TCVN 6159:1996
XXIV	THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG	
241	Kính xây dựng – Phương pháp thử độ bền va đập	TCVN 7368-2012
XXV	THỬ NGHIỆM TẤM THẠCH CAO	
242	Xác định các tính chất cơ lý của tấm thạch cao	TCVN 8257-1÷7:2009 (07 phần)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

XD
LAS 123

ThS. Nguyễn Thanh Cường



GIÁM ĐỐC

ThS. Võ Đức Hoàng